

Số: 76/2022/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 04 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 111/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: bà Mai Thị H, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trầm Phú L Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thái H Chi nhánh tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: ông Trần Văn A, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/4/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Mai Thị H, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh với ông Trần Văn A, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Mai Thị H và ông Trần Văn A tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung tên*: Trần Văn Q, sinh ngày 05/6/2008 hiện con đang sống chung với ông A. Tại phiên hòa giải theo nguyện vọng của cháu Q muốn được sống với ông A, bà H và ông A tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như sau: ông Trần Văn A được quyền nuôi dưỡng con tên Trần Văn Q, sinh ngày 05/6/2008.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: bà Mai Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung*: Tại phiên hòa giải bà H và ông A cho rằng không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về án phí*: bà Mai Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0010272 ngày 12/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Mai Thị H đã nộp đủ án phí, ông Trần Văn A không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Tòa án tỉnh;
- CCTHA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh